

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2- Ông Huỳnh Văn Chớ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/TB-TLVA ngày 06-5-2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: **Tổ 2, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: **Tổ 2, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Kim H** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Văn T** tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau, anh T có tình cảm với người phụ nữ khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm

1991 và Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1996; 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai cùng những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Văn T** trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung. Về hôn nhân anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H, con chung đã trưởng thành không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** là nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị **H** và anh **T**.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1991 và Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1996; 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** là nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị **H** và anh **T**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** chung sống vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, việc chung sống vợ

chồng của anh, chị không được đăng ký là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không có giá trị pháp lý, không được pháp luật thừa nhận. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T, do đó cần tuyên bố không công nhận chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** là vợ chồng là phù hợp với pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1991 và Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1996; 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Trần Thị Kim H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1991 và Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Kim H** và anh **Nguyễn Văn T** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Trần Thị Kim H** phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015309 ngày 06-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; **chị H** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- THA-DS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Ngọc Thu